TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc.**

Bản án số: 10/2020/KDTM-ST
Ngày: 14 – 4 - 2020.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân**: Ông Phạm Tiến Lợi**, bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly**– Kiểm sát viên.

Trong ngày14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 40/2019/TLST- KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- KDTM ngày 06/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐHPT-KDTM ngày 26/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ST. Địa chỉ trụ sở: 266- 268 NKKN, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D –** Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lương Văn T** - Chức vụ Giám đốc chi nhánh TT(Theo quyết định ủy quyền số 3987/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP ST). Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Hoàng Thị Y. Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Ngọc A, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn X, xã TXT, huyện C, Hà Nội. Vắng mặt.

Giấy chứng nhận hộ kinh doanh số 01W8011321, đăng ký lần đầu ngày 03/5/2013.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khaivà trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/09/2018 giữa Ngân hàng TMCP ST – Chi nhánh TT(sau đây gọi là Ngân hàng ST) và ông Bùi Ngọc A đã ký hợp đồng tín dụng số LD1825700127 với nội dung như sau: Số tiền vay được cấp: 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*; Mục đích: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 04 năm; Lãi suất: 9.5%/năm áp dụng cho 06 tháng đầu. Từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 36, lãi suất thay đổi 3 tháng một lần bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi cuối kỳ VND của Sacombank + (cộng) biên độ 3.5%/năm. Từ tháng thứ 37, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi cuối kỳ VND của Sacombank + (cộng) biên độ 4%/năm; Phương thức trả nợ: Gốc + lãi trả vào ngày 20 hàng tháng, chia thành 48 kỳ, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 20.833.000đồng; số tiền gốc trả cuối kỳ là 20.849.000 đồng.

Ngày17/09/2018, ông Bùi Ngọc A đã được Ngân hàng ST giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01 với nội dung: Số tiền 1.000.000.000 đồng; Lãi suất: 9.5%/năm áp dụng cho 06 tháng đầu, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng một lần bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi cuối kỳ VND của Sacombank + (cộng) biên độ 3.5%/năm. Hạn trả nợ: 17/09/2022.

Để đảm bảo nợ vay trên, ông Bùi Ngọc A thế chấp xe ô tô hình thành từ vốn vay như sau: **Ô tô tải có mui nhãn hiệu FAW, loại CA1311, màu Bạc, tải trọng 17.990 kg, số khung H2CLGCF00003, số máy L13152591621, biển kiểm soát 29H-112.30** theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai ngày 15/9/2018 được sửa đổi thành Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 26/9/2018; Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 17/9/2018;

- Giấy tờ sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 503731 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/09/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ông Bùi Ngọc A đã thanh toán trả ngân hàng ST số tiền gốc: 249.996.000 đồng; nợ lãi đã trả: 100.305.379 đồng.

Ông Bùi Ngọc A đã không thực hiện trả nợ vay đúng theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết. Từ kỳ trả lãi 20/10/2019, ông Bùi Ngọc A không thực hiện trả được nợ vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Ông Bùi Ngọc A không đưa ra phương án trả nợ, không hợp tác trong việc trả nợ Ngân hàng, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng không tiếp tục duy trì Hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng TMCP ST đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo yêu cầu trả nợ vay đến Bùi Ngọc A nhưng ông Bùi Ngọc A không có phương án trả nợ Ngân hàng.

Đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Ngọc A phải trả ngay toàn bộ vốn, lãi tạm tính đến ngày14/4/2020 số tiền nợ đến nay như sau: Nợ gốc 750.004.000 đồng; nợ lãi trong hạn 44.941.534 đồng; lãi quá hạn 5.903.162đồng; lãi phạt 1.132.024 đồng. Tổng cộng 801.980.720đồng.

Ông Bùi Ngọc A tiếp tục chịu lãi theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ kể từ ngày 15/4/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông Bùi Ngọc A không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đề nghị Toà tuyên cho phát mãi: Ô tô tải có mui nhãn hiệu FAW, loại CA1311, màu Bạc, tải trọng 17.990 kg, số khung H2CLGCF00003, số máy L13152591621, biển kiểm soát 29H-112.30

Trong trường hợp phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp vẫn không đủ đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Bùi Ngọc A phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ.

*** Bị đơn – ông Bùi Ngọc A**: Hiện vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và giao cho bà Trịnh Thị Thanh (Mẹ đẻ anh Ngọc Anh) nhận thay, chứng kiến việc niêm yết, nhưng anh Ngọc Anh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng ST khởi kiện ông Bùi Ngọc A theo Hợp đồng tín dụng với mục đích vay vốn: đầu tư xe ô tô để kinh doanh; hai bên đều có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có trụ sở tại huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội, nên căn cứ các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, TP.Hà Nội.

[1.2] Về áp dụng pháp luật nội dung : Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng năm 2018, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt của họ.

[2]. Về hợp đồng tín dụng:

[2.1]. Về hình thức của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ: Ngân hàng ST và ông Bùi Ngọc A ký kết hợp đồng tín dụng bằng văn bản; Ngân hàng ST cho ông Ngọc A vay vốn là đúng với đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, tuân thủ đúng quy

định của Điều 116, 119 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[**2.2**] Về nội dung của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ thấy: Do ông Bùi Ngọc A vắng mặt, căn cứ vào tài liệu Ngân hàng ST cung cấp thấy rằng ông Bùi Ngọc A đã được ngân hàng giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 26/9/2018. Nội dung của Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phù hợp với các Điều 385, 386, 388, 398,401, 401, 402, 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ có hiệu lực thi hành.

[**2.3**] **Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng số LD1825700127, kèm theo giấy nhận nợ thì thấy:**

Tính đến ngày 14/4/2020 ông Bùi Ngọc A đã thanh toán trả nợ ngân hàng ST số tiền là: 249.996.000 đồng; nợ lãi đã trả: 100.305.379 đồng. Ông Bùi Ngọc A vi phạm nghĩa vụ trả nợvà bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 21/10/2019.

Khoản nợ trên của ông Bùi Ngọc A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại mục 11 của Hợp đồng tín dụng nên bị chuyển nợ quá hạn đối với số tiền nợ gốc đến hạn và phải chịu lãi quá hạn, lãi phạt là đúng thỏa thuận của các bên tại phụ lục các điều khoản chung đính kèm Hợp đồng tín dụng; khoản 4 Điều 1 Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; khoản 5 Điều 466 BLDS 2015; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Ngân hàng ST được phép thu hồi nợ trước hạn.

Như vậy, ông Bùi Ngọc Acòn nợ và có trách nhiệm trả ngân hàng ST số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2020tổng cộng là: 801.980.720đồng, trong đó: nợ gốc 750.004.000 đồng; nợ lãi trong hạn 44.941.534 đồng; lãi quá hạn 5.903.162đồng; lãi phạt 1.132.024 đồng.

Kể từ ngày 15/4/2020, ông Bùi Ngọc A còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Ô tô tải có mui nhãn hiệu FAW, loại CA1311, màu Bạc, tải trọng 17.990 kg, số khung H2CLGCF00003, số máy L13152591621, biển kiểm soát 29H-112.30, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Bùi Ngọc A, thì thấy:

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai ngày 15/9/2018 được sửa đổi thành Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 26/9/2018; thể hiện: Bên thế chấp: Ông Bùi Ngọc A; Bên nhận thế chấp: Ngân hàng ST; Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 17/9/2018.

Căn cứ vào Điều 6 Hợp đồng thế chấp, phụ lục tài sản đảm bảo kèm theo Hợp đồng tín dụng, Nghịđịnh số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm, Nghịđịnh 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một sốđiều của Nghịđịnh 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên anh Bùi Ngọc A có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Bùi Ngọc A tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ theohợp đồng tín dụng cho Ngân hàng.

[4] Về án phí:

- Bị đơn – Anh Bùi Ngọc A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thi hành là 801.980720 đồng cụ thể án phí phải chịu là: 36.000.000đ + 3% x (801.980720đ-800.000.000đ) = 36.059.422đồng, làm tròn 36.059.000 đồng.

- Nguyên đơn - Ngân hàng STđược hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 42; 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 116, 119, 385, 386, 388, 398, 401, 401, 402, 463, khoản 5 Điều 466 BLDS 2015;

Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP ST đối với ông Bùi Ngọc A.

2. Buộc ông Bùi Ngọc A có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP ST số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số LD1825700127 ngày 15/9/2018 tạm tính đến ngày 14/4/2020 là801.980.720đồng, trong đó: Nợ gốc 750.004.000 đồng; nợ lãi trong hạn 44.941.534 đồng; lãi quá hạn 5.903.162đồng; lãi phạt 1.132.024 đồng

Kể từ ngày 15/4/2020, ông Bùi Ngọc A còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, kèm theo Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3.Trường hợp ông Bùi Ngọc A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ lại của Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng TMCP ST có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là: Ô tô tải có mui nhãn hiệu FAW, loại CA1311, màu Bạc, tải trọng 17.990 kg, số khung H2CLGCF00003, số máy L13152591621, biển kiểm soát 29H-112.30.

Theo đó, ông Bùi Ngọc A có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý các tài sản bảo đảm nói trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Bùi Ngọc A tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP ST.

4. Án phí:

- Ông Bùi Ngọc A phải chịu 36.059.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP ST tiền tạm ứng án phí là 17.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004412 ngày 04/12/2019 tại Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội.
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi Cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- HSVA.
- Lưu VP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai